**Tuần 17**

**Ngày soạn: 22 /12/2017**

**Ngày giảng: Thứ hai ngày 25 tháng 12 năm 2017**

**Tập đọc**

**NGU CÔNG XÃ TRỊNH TƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trả lời được các câu hỏi trong SGK .

-Hiểu ý nghĩa bài văn : Ca ngợi ông Lìn cần cù, sáng tạo, dám làm thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng, làm thay đổi cuộc sống của cả thôn.

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc diễn cảm bài văn.

**3. Thái độ**

- GDHS : Yêu mến và kính trọng người lao động .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Tranh

I**II CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Bài cũ:** Thầy cúng đi bệnh viện   * Giáo viên nhận xé, tuyên dương.  1. **Bài mới** - Giới thiệu bài mới:   a. Hướng dẫn học sinh luyện đọc.  - HS đọc mẫu   * HD cách đọc toàn bài   - Yêu cầu HS chia đoạn   * Luyện đọc. * Lần 1: Yêu cầu học sinh đọc nối tiếp từng đoạn, luyện phát âm đúng.   - Lần 2: Giải nghĩa từ khó – Đọc chú giải – Đọc câu dài. Ngắt nghỉ câu đúng.  - Lần 3: Đọc trong nhóm.  b. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài.  - Y/c HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu 1  ? Ông Lìn làm thế nào để dẫn nước về thôn?  - HS đọc đoạn 2 trả lời câu hỏi 2.  ? Nhờ có mương nước, tập quán canh tác và cuộc sống ở thôn Phìn Ngan đã thay đổi như thế nào ?  -Yêu cầu học sinh đọc đoạn 3.  ? Ông Lìn đã nghĩ ra cách gì để giữ rừng, bảo vệ nguồn nước?  ? Câu chuyện giúp em hiểu điều gì ?  - GV bổ sung và nhấn mạnh: Ông Lìn đã chiến thắng đói nghèo, lạc hậu nhờ quyết tâm và tinh thần vượt khó. Bằng trí thông minh và lao động sáng tạo , ông Lìn đã làm giàu cho mình , làm giàu cho cả thôn. **.**  -Y/c HS nêu nội dung chính của bài.GV tóm ý ghi bảng.  c. Luyện đọc diễn cảm.  -Giáo viên hướng dẫn đọc diễn cảm.  -Giáo viên đọc mẫu.  -Học sinh luyện đọc diễn cảm.  - Lớp nhận xét. Giáo viên nhận xét.  **3: Củng cố - dặn dò:**  - Liên hệ giáo dục HS học tập và khâm phục tấm gương của ông Lìn.  - Nêu nội dung ý nghĩa của bài.  - GV nhận xét tiết học. | - Hs chia đoạn.  + Đoạn 1: Từ đầu … thêm đất hoang trồng lúa  + Đoạn 2: Tiếp theo đến như trước nữa.  + Đoạn 3: Phần còn lại.   * Học sinh đọc bài, phát âm từ khó. * Học sinh đọc bài, đọc và giải nghĩa từ. * Đọc trong nhóm. * Học sinh đọc đoạn và trả lời câu hỏi   **1. Gia đình ông Phù Lìn đào mương.**  - Ông lần mò cả tháng trong rừng tìm nguồn nước, cùng vợ con đào suốt một năm trời được gần bốn cây số mương xuyên đồi dẫn nước từ rừng già về thôn.  **2. Nhờ con mương dẫn nước mà đời sống của bà con thoát khỏi đói nghèo**  - Đồng bào không làm nương như trước nữa mà trồng lúa nước, không làm nương nên không phá rừng. Về đời sống : nhờ trồng lúa lai cao sản mà cả thôn không còn hộ đói.  **3. Ông Lìn giúp bà con trồng rừng tăng thêm thu nhập và giữ nước để cấylúa**.  - Bảo vệ rừng, trồng cây thảo quả.  - Ôngđã chiến thắng đói nghèo lạc hậu nhờ quyết tâm và tinh thần vượt khó. Bằng trí thông minh và lao động sáng tạo, ông Lìn đã làm giàu cho mình, làm cho cả thôn từ nghèo đói vươn lên thành thôn có mức sống khá và muốn có mức sống khá con người cần dám nghĩ dám làm …..  ND: Ca ngợi ông Lìn cần cù, sáng tạo, dám làm thay đổi tập quán canh tác của cả một vùng, làm thay đổi cuộc sống của cả thôn.  -HS luyện đọc trong nhóm  -Lần lượt học sinh đọc diễn cảm cả bài.  -Học sinh thi đọc diễn cảm. |

----------------------------o0o------------------------

**Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

- Củng cố các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

**2. Kĩ năng :**

- Thực hiện các phép tính với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

**3. Thái độ:**

**-**  GDHS tính chính xác, cẩn thận .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| 1. **Kiểm tra bài cũ**: Giải toán về tỉ số phần trăm  * 2 học sinh lần lượt sửa bài (SGK). * Giáo viên nhận xét và tuyên dương.   **2. Bài mới**:Giới thiệu bài, hướng dẫn làm bài tập.  **\* Bài 1** ( Sgk/ 79): Tính  - Đọc các phép tính bài tập 1.  - GV theo dõi .  -GV hư­ớng dẫn HS cách làm.  -GV nhận xét.  **\* Bài 2** ( Sgk/ 79): Tính  - Nhắc lại cách tính giá trị biểu thức.  - Yêu cầu học sinh làm bài, đổi chéo vở và kiểm tra bài của bạn qua đáp án của giáo viên.  **\* Bài 3** ( Sgk/ 79):  -Mời 1 HS đọc đề bài.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  -GV cho HS nhắc lại cách tính tỉ số phần trăm của hai số và cách tìm một số % của một số.  - Yêu cầu học sinh làm và chữa bài.  - Chữa bài, nhận xét, tuyên dương.  **\* Bài 4** ( Sgk/ 80 ):  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán yêu cầu gì?  - Chữa bài, tuyên dương.  **3. Củng cố.**  - Học sinh nhắc lại kiến thức vừa học.  - Nhận xét tiết học . | -Lớp nhận xét.  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.  a, 216,72 :42 = 5,16  b,1 : 12,5 = 0,08  c, 109,98 : 42,3 = 2,6  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Có dấu ngoặc thì tính trong ngoặc trước, rồi lần lượt thực hiện nhân chia trước cộng trừ sau.  - Làm và chữa bài.  a) (131,4 – 80,8) : 2,3 +21,84 x 2  = 50,6 : 2,3 + 21,84 x 2  = 22 + 43,68 = 65,68  b, 8,16 : ( 1,32 + 3,48 ) – 0,345 : 2  = 8,16 : 4,8 - 0,345 : 2  = 1,7 – 0,1725 = 1,5275  - Đọc bài toán  - Bài toán cho biết cuối năm 2000 số dân của một phường là 15625 người. Cuối năm 2001 số dân của phường đó là 15875 người.  a, Hỏi từ cuối năm 2000 đến cuối năm 2001 số dân phường đó tang bao nhiêu phần trăm?  b, Nếu từ cuối năm 2001 đến cuối năm 2002 cũng tang bấy nhiêu phần trăm thì số dân của phường đó là bao nhiêu người?  Bài giải  a) Từ cuối năm 2000 đến cuối năm 2001 số ngư­ời tăng thêm là:  15 875 –15625 = 250 (ng­ười)  Tỉ lệ tăng dân số của phường đó là:  250 : 15625 = 0,016 = 1,6%  b) Với tỉ lệ tăng 1,6% thì từ cuối năm 2001 đến cuối năm 2002 số ng­ười tăng thêm là:  15875 x 1,6 : 100 = 254 (ng­ười)  Cuối năm 2002 số dân của phường đó là:  15875 + 254 = 16129 (ng­ười)  Đáp số:a) 1,6% ;  b) 16129 ng­ười  - Đọc bài toán  - Bài toán cho biết một người bán hang bị lỗ 70 000đ và số tiền đó bằng 7% số tiền vốn.  - Bài yêu cầu tìm công thức tính số tiền bị lỗ.  - Làm và chữa bài.  A 70000 : 7  B 70000 x 7 : 100  C 70000 x 100 : 7  D 70000 x 7 |

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 22 /12/2017**

**Ngày giảng: Thứ ba ngày 26 tháng 12 năm 2017**

**Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**.

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:** Biết thực hiện các phép tình với số thập phân và giải các bài toán liên quan đến tỉ số phần trăm.

**2. Kỹ năng:**Tính toán chính xác .

**3. Thái độ:**GDHS : Yêu thích môn học ,

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| 1. **Kiểm tra bài cũ**  * 2 học sinh làm bài trên bảng. * Giáo viên nhận xét và tuyên dương.   **2. Bài mới:** Luyện tập chung.  **\* Bài 1:**Sgk/ 80:Viết các hổn số sau thành số thập phân   * Học sinh nhắc lại phương pháp thực hiện chuyển đổi. * Yêu cầu học sinh thực hiện * Giáo viên cùng học sinh nhận xét, chốt kết quả đúng.   **\* Bài 2:**Sgk/ 80:Tìm x  -Mời 1 HS nêu yêu cầu.  -Muốn tìm thừa số và số chia ta làm thế nào?  - Yêu cầu một HS nêu cách làm.  -Yêu cầu 2 HS lên bảng chữa bài.  -Cả lớp và GV nhận xét.  **\* Bài 3:**Sgk/ 80:  -Mời 1 HS đọc đề bài.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Nêu tóm tắt.  Máy bơm hút nước 3 ngày biết:  - Ngày 1 : 35% nước hồ  - Ngày 2 : 40% nước hồ  -ngày 3: … % nước trong hồ?  -GV cho HS nhắc lại cách cộng, trừ hai số tỉ số phần trăm.  -Mời 1 HS nêu cách làm.  -Cả lớp và GV nhận xét. | - Học sinh lên bảng làm bài, dưới lớp làm ra nháp.  a) (131,4 – 80,8) : 2,3 +21,84 x 2  = 50,6 : 2,3 + 21,84 x 2  = 22 + 43,68 = 65,68  b, 8,16 : ( 1,32 + 3,48 ) – 0,345 : 2  = 8,16 : 4,8 - 0,345 : 2  = 1,7 – 0,1725 = 1,5275   * Lớp nhận xét.   - Học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.  4= = 4,5 ; 3 = 3,8  2 == 2,75 ; 1 = = 1,48  - Học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.  a, *x* x 100 = 1,643 + 7,357  *x*x 100 = 9  *x* = 9 : 100  *x*=0,09  b, 0,16 : *x* = 2 – 0,4  0,16 : *x* = 1,6  *x* = 0,16 : 1,6  *x*=0,1  - Đọc bài toán.  - Bài toán cho biết một máy bơm hút hết nước ở hồ trong 3 ngày. Ngày thứ nhất hút được 35%, ngày thứ hai hút được 40% nước trong hồ.  - Bài toán hỏi ngày thứ ba hút được bao nhiêu phần trăm nước trong hồ  Bài giải  Hai ngày đầu máy bơm hút được:  35% + 40% = 75%  Ngày thứ ba máy bơm hút được:  100% - 75% = 25%  ĐS: 25%   * Học sinh làm bài. * Cả lớp nhận xét. |

**5. Tổng kết - dặn dò:**

* Dặn học sinh xem trước bài ở nhà, chuẩn bị đem theo máy tính.

Nhận xét tiết học

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Tìm và phân loại được từ đơn, từ phức;từ đồng nghĩa , từ trái nghĩa; từ đồng âm, từ nhiều nghĩa theo y/c của các BT trong SGK.

**2. Kỹ năng** :GDHS : Sử dụng từ đúng, hay trong kĩ năng nói và viết .

**3. Thái độ:** Giáo dục ý thức tự giác học bài.

**II. ĐỒ DÙNG DAYH HỌC**

- Bảng phụ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động:**  **2. Bài cũ** (4P):  - Yêu cầu học sinh xếp những tiếng: đỏ, xanh, hồng, điều, bạch, biếc, đào, lục, son, trắng thành những nhóm đồng nghĩa.   * Giáo viên nhận xét, tuyên dương.   **3. Bài mới** (28P) : Giới thiệu bài, hướng dẫn làm bài tập.  **\* Bài 1:** VBT/ 119  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV giao việc, yêu cầu làm việc theo nhóm 4.  - Gọi đại diện nhóm trình bày.  - GV và HS nhận xét, chốt lại lời giải đúng.  **\* Bài 2:** VBT/ 120   * Yêu cầu học sinh đọc bài. * Giáo viên giúp học sinh xác định rõ yêu cầu của bài tập: làm rõ thêm nghĩa của các từ: * Giáo viên chia nhóm, cho học sinh thảo luận nhóm. * Giáo viên nhận xét.   **\* Bài 3:** VBT/ 120  - Hướng dẫn làm và chữa bài.  - GV nhận xét, tuyên dương.  4.Củng cố (3P):  -Tổng hợp lại nội dung tiết học  - Nhận xét, đánh giá  - Dặn dò:chuẩn bị ôn thi HKI | * Hát   - đỏ - son – điều  - xanh – lục – biếc  - bạch – trắng  - hồng - đào   * Học sinh đọc yêu cầu.   - HS nhắc lại kiến thức đã học ở lớp 4 về những kiểu cấu tạo từ  -Thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm trình bày.  a, Từ trong khổ thơ:  \* Từ đơn: hai, bước, đi, trên, cát, ánh, biển, xanh, bóng, cha, dài, bóng, con, tròn  \* Từ ghép:cha con, mặt trời, chắc nịch*.*  \* Từ láy:rực rỡ, lênh  b, Từ tìm thêm:  \* Từ đơn: nhà, cây, hoa, lá, dừa, ổi, mèo, …  \* Từ ghép: ngôi nhà, cái cầu, hoa hồng, cá vàng, sư tử, sầu riêng,…  \* Từ láy: loay hoay, nhỏ nhắn, xa xa, đu đủ, lao xao, thong thả,…  - 1 học sinh đọc yêu cầu.   * Học sinh làm việc theo nhóm – Nhóm nào xong dán kết quả lên bảng. * Đại diện nhóm lên trình bày.  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Ví dụ | Từ đồng nghĩa | Từ nhiều nghĩa | Từ đồng âm | | a, *Đánh* cờ  *đánh* giặc  *đánh* trống |  | x |  | | b, *trong* veo  *trong* vắt  *trong* xanh | x |  |  | | c, thi *đậu*  xôi *đậu*  chim *đậu* trên cành |  |  | x |   Cả lớp nhận xét.  - Nêu yêu cầu bài tập.  HS nêu bài làm –nhận xét   |  |  | | --- | --- | | Tinh ranh | tinh nghịch, tinh khôn, ranh mãnh, ranh ma, ma lanh, khôn ngoan, khôn lõi…. | | dâng | tặng, hiến, nộp, cho, biếu, đưa… | | êm đềm | êm ả, êm đềm, êm dịu,êm ấm…. | |

**Chính tả**

**NGƯỜI MẸ CỦA 51 ĐỨA CON**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:** Nghe viết đúng bài chính tả,

**2.Kỹ năng :** Viết đẹp, trình bày sạch, đúng hình thức đoạn văn xuôi.

**3. Thái độ:** Giáo dục lòng kính trọng người mẹ qua câu chuyện đọc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động:**  **2. Bài cũ:** Kiểm tra đồ dùng của học sinh.  **3. Bài mới** : Giới thiệu bài  **Hoạt động 1:** Nghe – viết bài.   * Giáo viên đọc toàn bài Chính tả. * HS luyện viết đúng. * Giáo viên giải thích từ . * Y.cầu nêu quy tắc khi viết chính tả * Giáo viên đọc cho học sinh nghe – viết. * Giáo viên đọc bài cho học sinh soát lại bài.   **Hoạt động 2 :**Làm bài tập  **\* Bài 1**: VBT/ 118  - - HS làm các bài tập vào VBT  - GV hướng dẫn mẫu .  - HS làm vào vở bài tập.  - Lớp và GV nhận xét bài làm.  **\* Bài 2**: VBT/ 118: Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong câu thơ trên.  **-** Cùng học sinh chữa bài.  - Giải thích thêm: Trong thơ lục bát, tiếng thứ 6 của dòng 6 bắt vần với tiếng thứ 6 của dòng 8. | * Hát   - Học sinh nghe.  - Học sinh chú ý lắng nghe.  + Lý Sơn, Quảng Ngãi, thức khuya  - Viết hoa chữ đầu tiên của câu và danh từ riêng.  - Cả lớp nghe – viết.  - Nghe và soát lỗi chính tả.   * Nêu yêu cầu bài tập.  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Vần | | | | Âm đệm | Âm chính | Âm cuối | | con  ra  tiền  tuyến  xa  xôi  yêu  bầm  yêu  nước  cả  đôi  mẹ  hiền | u | o  a  iê  yê  a  ô  yê  â  yê  ươ  a  ô  e  iê | n  n  n  i  u  m  u  c  i  n |   - Nêu yêu cầu bài tập.  -Tiếng *xôi* bắt đầu với tiếng *đôi.* |

**4. Tổng kết – dặn dò:**

- Chuẩn bị: “Tinh thần yêu nước của dân tộc ta”.

Nhận xét tiết học.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

----------------------------o0o------------------------

**Kể chuyện**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :** Chọn được mẩu chuyện nói về những người biết sống đẹp, biết mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác

**2. Kĩ năng** : kể lại được rõ ràng , đủ ý, biết trao dổi về ND, ý nghĩa câu chuyện. HS K, giỏi tìm được ngoài chuyện SGK; kể chuỵên một cách tự nhiên, sinh động.

**3. Thái độ:**GDHS : Yêu thích môn học .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Câu chuyện

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Bài cũ (4P** |  |
| - Học sinh kể lại chuyện :Buổi sum họp đầm ấm gia đình | - 2 học sinh kể tiếp nhau |
| - Nêu ý nghĩa | - 1 học sinh |
| **2. Bài mới: (28P)** | -HS lắng nghe |
| **\*** Hoạt động 1: HDHS hiểu đúng yêu cầu của đề. | - Hoạt động lớp |
| - Gạch dưới những chữ quan trọng trong đề bài (đã viết sẵn trên bảng phụ). | - Đọc đề bài |
| Đề: Biết kể một câu chuyện đã nghe đã đọc nói về những người biết sống đẹp, biết mang niềm vui, hạnh phúc cho người khác |  |
| - Nêu các yêu cầu. | - Đọc gợi ý trong SGK |
| - Hướng dẫn để học sinh tìm đúng câu chuyện. | - Cả lớp đọc thầm gợi ý và tìm cho mình câu chuyện đúng đề tài, sắp xếp lại các tình tiết cho đúng với diễn biến trong truyện. |
| - Nhận xét chuyện các em chọn có đúng đề tài không? | - Lần lượt học sinh nối tiếp nhau nói trước lớp tên câu chuyện sẽ kể. |
| \* Gợi ý: |  |
| - Giới thiệu với các bạn tên câu chuyện (tên nhân vật trong chuyện) em chọn kể; em đã nghe, đã đọc câu chuyện đó ở đâu, vào dịp nào. | HS Lắng nghe . |
| - Kể diễn biến câu chuyện |  |
| - Nêu cảm nghĩ của bản thân về câu chuyện. |  |
| \* Chú ý kể tự nhiên, có thể kết hợp động tác, điệu bộ cho câu chuyện thêm sinh động. |  |
| \* Hoạt động 2: Thực hành kể và trao đổi về nội dung câu chuyện. | - Hoạt động nhóm, lớp |
| Phương pháp:Kể chuyệnnhóm đôi |  |
| - Nêu yêu cầu: Kể chuyện trong nhóm, trao đổi ý nghĩa câu chuyện. Đại diện nhóm kể chuyện hoặc chọn câu chuyện hay nhất cho nhóm sắm vai kể lại trước lớp. | - Học sinh kể chuyện trong nhóm, trao đổi về ý nghĩa của truyện.  - Nhóm cử đại diện thi kể chuyện trước lớp.  - Trả lời câu hỏi của các bạn về nội dung, ý nghĩa của câu chuyện sau khi kể xong. |
| - Nhận xét, tính điểm về nội dung, ý nghĩa câu chuyện, khả năng hiểu câu chuyện của người kể. | - Lớp trao đổi, tranh luận |
| \* Hoạt động 3: | - Hoạt động nhóm đôi, lớp |
| - Lớp bình chọn người kể chuyện hay nhất trong giờ học. | - Lớp bình chọn |
| Giáo viên nhận xét, tuyên dương  **3. Củng cố - dặn dò.**  - Về nhà kể chuyện cho người thân nghe. | - Nhận xét, bổ sung |

----------------------------o0o------------------------

**Khoa học**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. Yêu cầu**

Ôn tập các kiến thức về:

+ Đặc điểm giới tính

+ Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân

+ Tính chất và công dụng của một số vật liệu đã học

**II. Chuẩn bị**

Hình vẽ trong SGK trang 68. Phiếu học tập

**III. Các hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Ổn định**  **2. Bài cũ**   * Câu hỏi: Nêu đặc điểm sản phẩm từ tơ sợi tự nhiên, sợi nhân tạo.   - GV nhận xét, cho điểm  **3. Bài mới** | - 2 HS trình bày   * Lớp nhận xét. |
| **❖ Hoạt động 1:** Trò chơi “Đoán chữ”  - GV chia nhóm, tổ chức trò chơi: “Đoán chữ”  - GV yêu cầu mỗi nhóm cử đại diện lên bốc thăm các câu hỏi trong SGK trang 70, 71 và nêu nhanh đáp án (trong vòng 10 giây). Nhóm nào có nhiều câu trả lời đúng là nhóm thắng cuộc  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Các nhóm tham gia (4 nhóm)  - Lớp nhận xét, bổ sung  +Câu 1: Sự thụ tinh +Câu 2: Thai nhi  +Câu 3: Dậy thì +Câu 4: Vị thành niên  +Câu 5: Trưởng thành +Câu 6: Già  +Câu 7: Sốt rét +Câu 8: Sốt xuất huyết  +Câu 9: Viêm não +Câu 10: Viêm gan A  - Tuyên dương nhóm thắng cuộc |
| **❖ Hoạt động 2:** Làm phiếu học tập.   * Phát phiếu học tập có nội dung là bài tập trang 68 69 SG, yêu cầu HS làm bài   **Nội dung phiếu học tập**  ***Bài 1: Quan sát 4 tranh SGK (trang 68) và hoàn thành bảng***  1  ***Bài 2: Chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi (Bài tập 2 SGK trang 69)***   * GV gọi lần lượt một số HS lên nêu đáp án   - GV nhận xét, kết luận theo bảng sau: | - HS tự làm bài (15 phút)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thực hiện theo hình | Phòng bệnh | Giải thích | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | 4 |  |  |   - HS trình bày đáp án  - Lớp nhận xét, bổ sung |

**4.Tổng kết – dặn dò**

* Xem lại bài

- Chuẩn bị: Ôn tập (tt).

- Nhận xét tiết học

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 13/ 12/ 2015**

**Ngày giảng: Thứ tư ngày 16 tháng 12 năm 2015**

**Tập đọc**

**CA DAO VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Trả lời được câu hỏi trong SGK

-Hiểu ý nghĩa của các baìo ca dao: Lao động vát vả trên đồng ruộng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người.

**2. Kỹ năng :**

- Ngắt nhịp hợp lý theo thể thơ lục bát.Thuộc lòng 2, 3 bài ca dao.

**3. Thái độ:**

- GDHS : Kính trọng , biết ơn người lao động , yêu thích lao động .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ( 4p)**: Ngu Công xã Trịnh Tường  - Học sinh hỏi về nội dung – Học sinh trả lời.  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  **2. Bµi míi.**(30')  ***a) Giíi thiÖu bµi*:** GVdïng tranh ®Ó khai th¸c néi dung bµi ca dao.  ***b) H­íng dÉn HS luyÖn ®äc*** .  - Y/c 1 HS giái ®äc bµi.  GV chia đoạn ( 3 đoạn – 3 bài ca dao )  - Yêu cầu học sinh đọc nối tiếp từng đoạn.  - Rèn học sinh phát âm đúng. Ngắt nghỉ câu đúng.  - Y/c HS khi ®äc cÇn ®äc víi giäng nhÑ nhµng.( Bµi 1 nhÊn m¹nh nh÷ng tõ chØ nçi vÊt v¶, bµi 2: NhÊn vµo nh÷ng tõ thÓ hiÖn tinh thÇn l¹c quan. Bµi 3. nhÊn m¹nh tõ tr«ng.)  - Luyện đọc.  -Y/c HS ®äc nèi tiÕp lÇn 3.  - Giáo viên đọc mẫu. HD cách đọc toàn bài  ***c) H­íng dÉn t×m hiÓu bµi.***  - Yêu cầu học sinh đọc bài .  - Tìm những hình ảnh nói lên nỗi vất vả, lo lắng của người nông dân trong sản xuất ?  - Những câu nào thể hiện tinh thần lạc quan của người nông dân?  - Y/c HS chia lµm 3 d·y mçi d·y tr¶ lêi 1 ý cña c©u hái sè 3.   * Giáo viên chốt ý.   - Y/c HS nªu néi dung chÝnh cña bµi  - GV tãm t¾t ý chÝnh vµ ghi b¶ng.  ***d) H­íng dÉn ®äc diÔn c¶m vµ häc thuéc lßng.***   * Giáo viên hướng dẫn đọc diễn cảm cả bài.   - Giáo viên đọc mẫu.  - Học sinh luyện đọc diễn cảm –học thuộc lòng.  - Tæ chøc cho HS thi ®äc diÔn bµi 3  - Lớp nhận xét.  - GV vµ HS cïng nhËn xÐt ®¸nh gi¸. | - Học sinh lần lượt đọc bài.  - Học sinh đọc đoạn và trả lời theo câu hỏi từng đoạn.  - Líp theo dâi, đọc thầm.   * Lần lượt học sinh đọc nối tiếp các đoạn. * Học sinh phát âm từ khó, câu, đoạn. * Học sinh đọc và giải nghĩa từ   - 1 HS đọc to cả 3 bài.  - Nỗi vất vả: Cày đồng buổi trưa, mồ hôi như mưa cày ruộng, bưng bát cơm đầy: dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần  - Sự lo lắng : Đi cấy còn trông nhiều bề: trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm, trông cho chân cứng đá mềnm, trời êm, biển lặng, mới yên tấm lòng.  - Công lênh chẳng quản lâu đâu. Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng  HS thảo luận – trả lời  a, Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang  Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu   * Khuyªn n«ng d©n ch¨m chØ cÊy cµy   b, Trông cho chân cứng đá mềm  Trời êm, biển lặng, mới yên tấm lòng   * ThÓ hiÖn quyÕt t©m trong laođộng s¶n xuÊt.   c, Ai ơi, bưng bát cơm đầy  Dẻo thơm một hạt, đắng caymuôn phần.   * Nh¾c ng­êi ta nhí ¬n ng­êi lµm ra h¹t g¹o. * Lao động vất vả trên đồng ruộng của người nông dân đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho mọi người*.*   - HS nªu c¸ch ®äc bµi 3 (NhÊn m¹nh tõ tr«ng, ng¾t theo nhÞp 2/4; 4/4; 2/2/2; 2/2/2/2; 2/4; 2/6.  - Lắng nghe.  - HS luyện đọc trong nhóm ( nhóm đôi )  - Học sinh thi đọc diễn cảm–học thuộc lòng. |

**3 . Cñng cè dÆn dß.(3')**

- Mêi HS nh¾c l¹i néi dung chÝnh cña bµi .

? Ta cần làm gì để tỏ lòng biết ơn người lao động. ( Chúng ta phải biết ơn người nông dân lao động vất vả làm ra hạt gạo – quý trọng hạt gạo do người nông dân làm ra.)

- GV nhËn xÐt tiÕt häc.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Toán**

**GIỚI THIỆU MÁY TÍNH BỎ TÚI**

**I.MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**: Bước đầu biết dùng máy tinh bỏ túi để cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân.

**2. Kỹ năng** :Tính toán chính xác .

**3. Thái độ:**GDHS : Yêu thích môn học

\*ĐCNDDH:Không yêu cầu chuyển một phân số thành số thập phân, không làm BT 2,3.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính bỏ túi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động:**  **2. Bài cũ:** Luyện tập chung.   * Học sinh làm bài 2/ 80 * Giáo viên nhận xét và tuyên dương.   **3. Giới thiệu bài mới**:  Giới thiệu máy tính.  Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh làm quen với việc sử dụng máy tính bỏ túi để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia.   * Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện theo nhóm.   - Trên máy tính có những bộ phận nào?   * Em thấy ghi gì trên các nút?   - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện các phép tính.   * Giáo viên nêu: 25,3 + 7,09 * Lưu ý học sinh ấn dấu “.” (thay cho dấu phẩy). * Yêu cầu học sinh tự nêu ví dụ:   6% HS khá lớp 5A + 15% HS giỏi lớp 5A  Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh làm bài  **\* Bài 1**: Sgk/ 82: Thực hiện các phép tính sau rồi kiểm tra lại bằng máy tính bỏ túi.  -Mời 1 HS nêu yêu cầu.  a) 126,45 + 796,892  b) 352,19 – 189,471  c) 75,54 x 39  d) 308,85 : 14,5  -GV h­ướng dẫn HS cách làm.  - Cho HS làm vào vở và chữa bài.  -Cả lớp và GV nhận xét.  **\* Bài 2**: Sgk/ 82: Giảm tải  **\* Bài 3**: Sgk/ 82: Giảm tải | * Hát   - Làm và chữa bài.  a, *x* x 100 = 1,643 + 7,357  *x*x 100 = 9  *x* = 9 : 100  *x*=0,09  b, 0,16 : *x* = 2 – 0,4  0,16 : *x* = 1,6  *x* = 0,16 : 1,6  *x*=0,1   * Lớp nhận xét.   Các nhóm quan sát máy tính.   * Nêu những bộ phận trên máy tính. * Nhóm trưởng chỉ từng bộ phận cho các bạn quan sát. * Nêu công dụng của từng nút. * Nêu bộ phận mở máy ON – Tắt máy OFF   -1 học sinh thực hiện.  - Để tính 25,3 + 7,09 ta lần lượt ấn các phím sau:  - Trên màn hình xuất hiện: 32,39  - Học sinh lần lượt nêu ví dụ ở phép trừ, phép nhân, phép chia.  - Học sinh thực hiện ví dụ của bạn.  - Cả lớp quan sát nhận xét.  **-** Học sinh đọc đề.Học sinh thực hiện.  a) 126,45 + 796,892 = 923,342  b) 352,19 – 189,471 = 162,719  c) 75,54 x 39 = 2946,06  d) 308,85 : 14,5 = 21,3   * Kiểm tra lại kết quả bằng máy tính bỏ túi. * Học sinh thực hiện theo nhóm. |

**4.Tổng kết - dặn dò:**

- Nhận xét tiết học. Chuẩn bị: “Sử dụng máy tính bỏ túi để giải toán tỉ số phần trăm”.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Tập làm văn**

**ÔN TẬP VỀ VIẾT ĐƠN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức** :

- Biết điền đúng ND vào một lá đơn in sẵn ( BT1).

**2. Kĩ năng :**

-Viết được đơn xin học một môn tự chọn ngoại ngữ ( hoặc tin học ) đúng thẻ thức, đủ ND cần thiết.

- Chọn từ đặt câu chính xác ngắn gọn khi viết đơn .

**3. Thái độ:** GDHS ý thức tự giác học bài

\* KNS :Ra quyết định/ giải quyết vấn đề.

\* NDĐC: Chọn nội dung viết đơn phù hợp với địa phương.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bảng phụ ghi nội dung đơn in sẵn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ (3p):** Làm biên bản một vụ việc  - Giáo viên nhận xét,tuyên dương  **2. Bài mới (28p)**  **3. Giới thiệu bài (1p):**   * Ôn luyện về viết đơn   Hoạt động 1:HS đọc mẫu đơn  Giáo viên nhận xét tuyên dương  Hoạt động 2: Giáo viên cho HS đọc yêu cầu bài tập 2   * Giáo viên treo bảng phụ đã viết sẵn các đề 2 * GV hướng dẫn thêm cho HS yếu * Giáo viên nhận xét kết quả làm bài của học sinh.   + Những ưu điểm chính nội dung đơn, trình bày  + Những thiếu sót hạn chế.   * Giáo viên hướng dẫn từng học sinh sửa lỗi. * Giáo viên hướng dẫn học sinh sửa lỗi chung. * Giáo viên nhận xét. | - Học sinh đọc bài làm  - Học sinh tự đọc câu hỏi – Học sinh trả lời.  HS hoàn thành mẫu đơn ( theo mẫu)  HS đọc, nhận xét  Học sinh lần lượt đọc trước lớp  \* KNS : Ra quyết định/ giải quyết vấn đề  - HS nêu yêu cầu – HS tự làm bài và báo cáo kết quả  - HS dựa vào các bước của mẫu đơn bài 1 SGK trang 170 để làm .  - Học sinh lần lượt đọc trước lớp  - Học sinh chú ý lắng nghe.  \* Xác định nội dung cần trình bày như sau :  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  Độc lập – Tự do- Hạnh phúc  Bình Khê, ngày 16 tháng 12 năm 2015  **ĐƠN XIN HỌC MÔN TỰ CHỌN**  ***Kính gửi:*** Cô: Hiệu trưởng trường Tiểu học Tràng Lương  Em tên là: Trần Quang Tùng  Nam, Nữ: Nam  Sinh ngày: 19/ 2/ 2005  Tại : Tràng Lương – Đông Triều – Quảng Ninh  Quê quán: Tràng Lương – Đông Triều – Quảng Ninh  Địa chỉ thường trú: Tràng Lương – Đông Triều – Quảng Ninh  Học sinh lớp: 5b  Em làm đơn này kính đề nghị cô xét cho em được học môn Tiếng Pháp theo chương trình tự chọn.  Em xin hứa sẽ nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy và hoàn thành nhiệm vụ học tập.  Em xin trân thành cảm ơn!  Ý kiến của cha mẹ học sinh Người làm đơn  ......................... ............. |

**4. Cñng cè dÆn dß.(3')**

\*Bản thân muốn xin học hoặc làm một việc gì đó thì chúng ta cần phải có suy nghĩ và hành động như thế nào?( Chúng ta phải đưa ra quyết định và tìm cách để thực hiện quyết định đó.)

- GV nhËn xÐt tiÕt häc, biÓu d­¬ng nh÷ng em cã ý thøc lµm bµi

-Y/c c¸c em vÒ nhµ «n l¹i ®Ó nhí thÓ thøc viÕt mét l¸ ®¬n khi cÇn thiÕt.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Địa lí**

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Hiểu được về dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam.

1. **Kĩ năng**

* Xác định trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn của đất nước.

1. **Thái độ**

* Yêu thích tìm hiểu về các ngành kinh tế cua Việt Nam

**II. ĐỒ DÙNG**

* Bản đồ hành chính Việt Nam nhưng không có tên các tỉnh, thành phố.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |

**Kiểm tra bài cũ - giới thiệu bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV gọi 4 HS lên bảng, yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung bài cũ, sau đó nhận xét và cho điểm HS.  - GV giới thiệu bài: Trong giờ học hôm nay chúng ta cùng ôn tập về các kiến thức, kĩ năng địa lí liên quan đến dân tộc, dân cư và các ngành kinh tế của Việt Nam. | - 4 HS lần lượt lên bảng trả lời các câu hỏi sau:  + Thương mại gồm các hoạt động nào. Thương mại có vai trò gì?  + Nước ta xuất khẩu và nhập khẩu mặt hàng gì là chủ yếu.  + Nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nước ta.  + Tỉnh em có những địa điểm du lịch nào? |

**Hoạt động 1**

**Bài tập tổng hợp**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV chia HS thành các nhóm yêu cầu các em thảo luận để hoàn thành phiếu học tập sau: | - HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm 4 - 6 HScùng thảo luận, xem lại các lược đồ từ bài 8 - 15 để hoàn thành phiếu. |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV mời HS báo cáo kết quả làm bài trước lớp.  - GV nhận xét, sửa chữa câu trả lời cho HS.  - GV yêu cầu HS giải thích vì sao các ý a, e trong bài tập 2 là sai. | - 2 nhóm HS cử đại diện báo cáo kết quả của nhóm mình trước lớp, mỗi nhóm báo cáo về 1 câu hỏi, cả lớp theo dõi và nhận xét.  - HS lần lượt nêu trước lớp:  a) Câu này sai vì dân cư nước ta tập trung đông ở đồng bằng và ven biển, thưa thớt ở vùng núi và cao nguyên.  e) Sai vì đường ô tô mới là đường có khối lượng vận chuyển hàng hoá, hành khách lớn nhất nước ta và có thể đi trên mọi địa hình, ngóc ngách để nhận và trả hàng. Đường ô tô giữ vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển ở nước ta. |

**Hoạt động 2**

**Trò chơi: ô chữ kì diệu**

- Chuẩn bị

+ 2 bản đồ hành chính Việt Nam (không có tên các tỉnh)

+ Các thẻ từ ghi tên các tỉnh là đáp án của trò chơi.

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi như sau:

+ Chọn 2 đội chơi, mỗi đội có HS, phát cho mỗi đội 1 lá cờ (hoặc chuông).

+ GV lần lượt đọc từng câu hỏi về một tỉnh, HS hai đội giành quyền trả lời bằng phất cờ hoặc rung chuông.

+ Đội trả lời đúng được nhân được ô chữ ghi tên tỉnh đó và gắn lên lược đồ của mình (gắn đúng vị trí).

+ Trò chơi kết thúc khi GV nêu hết các câu hỏi.

+ Đội thắng cuộc là đội có nhiều bảng ghi tên các tỉnh trên bản đồ.

- Các câu hỏi:

1) Đây là hai tỉnh trồng nhiều cà phê ở nước ta.

2) Đây là tỉnh có sản phẩm nổi tiếng là chè Mộc Châu.

3) Đây là tỉnh có nhà máy nhiệt điện Phú Mĩ.

4) Tỉnh này có khai thác than nhiều nhất ở nước ta.

5) Tỉnh này có ngành khai thác a-pa-tít phát triển nhất nước ta.

6) Sân bay quốc tế Nội Bài ở thành phố này.

7) Thành phố này là trung tâm kinh tế lớn nhất nước ta.

8) Tỉnh này có khu du lịch Ngũ Hành Sơn.

9) Tỉnh này nổi tiếng với nghề thủ công làm tranh thêu.

10) Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ở tỉnh này.

- GV tổng kết tò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc

củng cố, dặn dò

- GV hỏi: Sau những bài đã học, em thấy đất nước ta như thế nào?

- GV nhận xé giờ học, dặn dò HS về ôn tập các kiến thức, kĩ năng địa lí đã học và chuẩn bị bài sau.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 14/ 12/ 2015**

**Ngày giảng: Thứ năm ngày 17 tháng 12 năm 2015**

**Toán**

**SỬ DỤNG MÁY TÍNH BỎ TÚI ĐỂ GIẢI TOÁN TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức** : Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải các bài toán về tỉ số phần trăm.

**2. Kĩ năng** : Giáo dục học sinh tính toán cẩn thận , chính xác .

**3. Thái độ**: Có ý thức tự giác học bài

\*NDĐC: Biết sử dụng máy tính bỏ túi để hỗ trợ giải toán về tỉ số phần trăm, không làm bài tập 3.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Máy tính bỏ túi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**( 40 phút ) .

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động:**  **2. Bài cũ:**  - Y/c HS lên bảng tính các phép tính sau trên máy tính bỏ túi:  a. 27,5 + 0,13 ;  b. 35,5 : 5  - Nhận xét, tuyên dương.  **3**.**Bài mới.** Giới thiệu bài mới: Sử dụng máy tính bỏ túi để giải toán tỉ số phần trăm.  **1:** Hướng dẫn học sinh ôn tập các bài toán cơ bản về tỉ số phần trăm kết hợp rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính bỏ túi.  \*VD1:Tính tỉ số phần trăm của 7 và 40.  -Cho HS nêu cách tính theo quy tắc:  +Tìm th­ương của 7 và 40.  +Nhân th­ương đó với 100  -GV hướng dẫn: Bư­ớc thứ 1 có thể sử dụng máy tính bỏ túi. Sau đó cho HS tính và suy ra kết quả.  \*VD 2: Tính 34% của 56  -Mời 1 HS nêu cách tính  -Cho HS tính theo nhóm 4.  -HS nêu kết quả, GV ghi bảng. Sau đó nói: ta có thể thay thế 34 : 100 bằng 34%. Do đó ta có thể ấn phím như­ nêu trong SGK.  \*VD 3:Tìm một số biết 65% của nó bằng 78  -Mời 1 HS nêu cách tính.  -GV gợi ý cách ấn các phím để tính.  **2: Hướng dẫn làm bài tập.**  **\* Bài 1:** Sgk/ 83  - Yêu cầu học sinh nêu lại cách tìm tỉ số phần trăm của 2 số.  **\* Bài 2:** Sgk/ 83.  - Hướng dẫn học sinh làm bài  - Cách tính :  150 x 69 :100 = 103,5kg  125 x69 : 100 = 86,25kg  Dùng máy tính tính kết quả và ghi vào bảng thống kê :  - Yêu cầu học sinh đổi vở kiểm tra chéo bài và nhận xét bài của bạn dựa theo kết quả của cô giáo viết trên bảng phụ.  **\* Bài 3:** Sgk/ 83.Giảm tải | * Hát   - 2 HS làm bảng, lớp nhận xét bổ sung.  a. 27,5 + 0,13 = 27,63  b. 35,5 : 5 = 7,1  - Lớp nhận xét.  - HS nêu cách tính.  -HS sử dụng máy tính để tính theo h­ướng dẫn.  - Tìm th­ương của 7 và 40  7 : 40 = 0,175  - Nhân th­ương đó với 100  0,175 x 100 = 17,5  **7** : 40 = 0,175 = 17,5%  -HS nêu: 56 x 34 : 100  -HS thực hiện bằng máy tính theo nhóm 4.  56 x 34% = 56 x 34 : 100  = 19,04  Vậy : 34% của 56 là 19,04  - HS nêu: 78 : 65 x 100  -HS thực hiện bằng máy tính theo nhóm  78 : 65% = 78 : 65 x 100  = 120  Vậy số cần tìm là : 120  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Trường | Số HS | Số HS nữ | Tỉ số % HS nữ | | An Hà | 612 | 311 | 311 : 612 = 0,5081...=50,81% | | An Hải | 578 | 294 | 294 : 578 = 0,5086...=50,86% | | An Dương | 714 | 356 | 356 : 714 = 0,4985...=49,85% | | An Sơn | 807 | 400 | 400 : 807 = 0,4956...=49,56% |   - Học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.   |  |  | | --- | --- | | Thóc ( kg ) | Gạo ( kg ) | | 100 | 69 | | 150 | 103,5 | | 125 | 86,25 | | 110 | 75,9 | | 88 | 60,72 | |

**3: Củng cố.**

* Học sinh nhắc lại kiến thức vừa học.
* Nhận xét tiết học

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Đạo đức**

**HỢP TÁC VỚI NHỮNG NGƯỜI XUNG QUANH (**Tiết 2**)**

**I. Mục tiêu**

Học xong bài này HS biết:

- Nêu được một số biểu hiện về hợp tác với bạn bè trong học tập, làm việc và vui chơi.

- Biết được hợp tác với mọi người trong công viẹc chung sẽ nâng cao được hiệu quả công việc, tăng niềm vui và tình cảm gắn bó giữa người với người.

- Có kĩ năng hợp tác với bạn bè trong các hoạt động của lớp, của trường.

- Có thái độ mong muốn, sẵn sàng hợp tác với bạn bè, thầy cô giáo và mọi người trong công việc của lớp, của trường,của gia đình và của cộng đồng.

\* Phần lồng ghép kiến thức GDBVMT trong phần củng cố bài .

-GD HS biết hợp tác với bạn bè và mọi người để BVMT gia đình, nhà trường, lớp học và địa phương .

\* Lồng ghép GDKNS :

* Kĩ năng hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh trong công việc chung.
* Kĩ năng đảm nhận trách nhiệm hoàn tất một nhiệm vụ khi hợp tác với bạn bè và người khác.
* Kĩ năng tư duy phê phán (biết phê phán những quan sai, các hành vi thiếu tinh thần hợp tác).
* Kĩ năng ra quyết định (biết ra quyết định đúng để hợp tác có hiệu quả traong các tình huống).

**II. Đồ dùng dạy học**

- Phiếu học tập cá nhân cho HĐ 3

**III. Các hoạt động dạy- học**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **\* Hoạt động 1**: Làm bài tập 3 VBT  *a) Mục tiêu:* HS biết nhận xét 1 số hành vi, việc làm có liên quan đến việc hợp tác với những người xung quanh  *b) Cách tiến hành:*  - Yêu cầu thảo luận theo cặp  - Gọi HS trình bày  - **GV KL:** Việc làm của các bạn Tâm, Nga, Hoan,trong tình huống a là đúng  - việc làm của bạn Long trong tình huống b là chưa đúng  **\* Hoạt động 2:** xử lí tình huống bài tập 4 trong VBT  *a) Mục tiêu:* HS biết sử lí 1 số tình huống liên quan đến việc hợp tác với những người xung quanh.  *b) Cách tiến hành:*  - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  - GV nhận xét bổ xung  **GV KL:**  + Trong khi thực hiện công việc chung cần phân công nhiệm vụ cho từng người và phối hợp giúp đỡ lẫn nhau  + Bạn Hà có thể bàn với bố mẹ về việc mang những đồ dùng cá nhân nàođể tham gia chuẩn bị hành trang cho chuyến đi.  **\* Hoạt động 3:** Làm bài tập 5  *a) Mục tiêu:* HS biết XD kế hoạch hợp tác với những người xung quanh trong các công việc hằng ngày.  *b) Cách tiến hành:*  - HS tự làm bài tập  - Gọi HS trình bày dự kiến sẽ hợp tác với những người xung quanh trong 1 số công việc  - GV nhận xét đánh giá | * Nêu yêu cầu bài tập. * Thảo luận theo cặp.   a, Được giao nhiệm vụ làm báo tường, Tâm, Nga, Hoan phân công nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ.  b, Hằng tuần, các hộ gia đình trong thôn cùng lao động dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm. Long thường chọn công việc nhẹ nhàng nhất, làm cho nhanh để về xem ti vi.   * Nêu yêu cầu bài tập * Thảo luận nhóm và trình bày kết quả   - HS thảo luận  - HS trả lời  -HS khác nhận xét  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm trình bày kết |

**2. Củng cố- dặn dò**

- Muốn công việc thuận lợi, đạt kết quả tốt cần làm gì?

- Nhận xét giờ học

- Chuẩn bị bài sau.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Ngày soạn: 15/ 12/ 2015**

**Ngày giảng: Thứ sáu ngày 18 tháng 12 năm 2015**

**Toán**

**HÌNH TAM GIÁC**.

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức** :Đặc điểm của hình tam giác có: 3cạnh, 3 góc, 3 đỉnh.

-Phân biệt 3 dạng hình tam giác(phân loại theo góc)

**2. Kĩ năng**: Nhận biết đáy và đường cao ( tương ứng) của hình tam giác.

**3. Thái độ:**  Giáo dục học sinh tính toán cẩn thận , chính xác .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Ê ke, Vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động:**  **2. Bài cũ**:   * Sử dụng máy tính bỏ túi để giải toán tỉ số phần trăm. * Giáo viên nhận xét và ghi điểm.   **3. Bài mới:** Hình tam giác.  **Hoạt động 1:**Hướng dẫn học sinh nhận biết đặc điểm của hình tam giác: có 3 đỉnh, góc, cạnh.  a- Giới thiệu đặc điểm của hình tam giác:  -Cho HS quan sát hình tam gác ABC:   * Nêu và nhận biết đặc điểm, tên gọi trong hình tam giác:( 85/SGK) * Ba cạnh: cạnh AB;…AC; … BC * Ba đỉnh : Đỉnh A; …B; … C   + Ba góc :  + Góc đỉnh A, cạnh AB và AC  + Góc đỉnh B, cạnh BA và BC  + Góc đỉnh C, cạnh CA và CB  b- GT ba dạng hình tam giác (theo góc):  -GV vẽ 3 dạng hình tam giác lên bảng.  -Cho HS nhận xét góc của các tam giác để đi đến thống nhất có 3 dạng hình tam giác.  - Hình tam giác có 3 góc nhọn ( 1 )  - Hình tam giác có 1 góc vuông và 2 góc nhọn ( 3 )  - Hình tam giác có 1 góc tù và 2 góc nhọn( 2 ) .  c-Giới thiệu đáy và đư­ờng cao  (t­ương ứng):  -GV GT hình tam giác ABC, nêu tên đáy  - BC và đ­ường cao AH.  -Độ dài từ đỉnh vuông góc với đáy tương ứng gọi là gì?  -Cho HS nhận biết đ­ường cao của các dạng hình tam giác khác.   * Giáo viên chốt lại ba đặc điểm của hình tam giác. * Giáo viên giới thiệu đáy và đường cao. * Giáo viên thực hành vẽ đường cao. * Giáo viên chốt lại:   + Đáy: a.  + Đường cao: h.  d-Luyện tập:  **\* Bài 1**: Sgk/ 86: Viết tên 3 góc và 3 cạnh của các tam giác:  -Mời 1 HS nêu yêu cầu.  -GV hư­ớng dẫn HS cách làm.  -Cho HS làm vào vở.  -Chữa bài.  **\* Bài 2**: Sgk/ 86: Chỉ ra đáy và đường cao tương ứng trong mỗi tam giác sau:  -Mời 1 HS nêu yêu cầu.  -GV hư­ớng dẫn HS cách làm.  -Cho HS làm vào vở.  -Chữa bài.  **\* Bài 3**: Sgk/ 86: So sánh diện tích của:  - Muốn so sánh diện tích của 2 hình tam giác ta làm như thế nào?  - Muốn tính diện tích hình tam giác ta làm thế nào?  **-** Cùng học sinh chữa bài. | * Hát   HS tính một vài phép tính bằng máy tính  Lớp nhận xét.  - Học sinh vẽ hình tam giác.  - 1 học sinh vẽ trên bảng.  A  C B  - Giới thiệu ba cạnh (AB, AC, BC)  - Ba góc (BAC ; CBA ; ACB)  - Ba đỉnh (A, B, C).  - Cả lớp nhận xét.  - Học sinh tổ chức nhóm.  - Nhóm trưởng phân công vẽ ba dạng hình tam giác.   * Đại diện nhóm lên dán và trình bày đặc điểm.   1. 2.  3.  - Lần lượt học sinh vẽ đường cao trong hình tam giác có ba góc nhọn.  A  B H C  AH là đường cao ứng với đáy BC  A  B C  AB là đường cao ứng với đáy BC  A  H B C  AH là đường cao ứng với đáy BC  - Hướng dẫn học sinh dùng thước và ê-ke vẽ hình:  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.  A Ba góc: A, B, C  Ba cạnh: AB, AC, BC  B C  D Ba góc: D, E, G  Ba cạnh: DE, DG, EG  E G  M  Ba góc: M, K,N  Ba cạnh: MK, MN, KN  K N  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Làm và chữa bài.  + Hình a: Đường cao CH, cạnh đáy AB.  + Hình b: Đường cao DK, cạnh đáy EG.  + Hình c: Đường cao MN, cạnh đáy PQ.  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Ta tìm diện tích của 2 hình tam giác rồi so sánh  - Muốn tính diện tích hình tam giác ta lấy độ dài đáy nhân chiều cao rồi chia cho 2.  - Làm và chữa bài.  + Diện tích hình tam giác AED bằng diện tích hình tam giác EDH.  + Diện tích hình tam giác EBC bằng diện tích hình tam giác EHC.  + Diện tích hình chữ nhật ABCD gấp đôi diện tích hình tam giác EDC. |

**4 .Củng cố.**

* Học sinh nhắc lại nội dung, kiến thức vừa học.

Dặn học sinh xem trước bài ở nhà.Chuẩn bị: “Diện tích hình tam giác”.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Tập làm văn**

**TRẢ BÀI VĂN TẢ NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** HS biết rút kinh nghiệm để làm tốt bài văn tả người (bố cục, trình tự miêu tả, chọn lọc chi tiết, cách diễn đạt, trình bày).

**2. Kĩ năng**: Nhận biết được lỗi trong bài văn và viết lại một đoạn văn cho đúng.

**3. Thái độ**: Tinh thần tự giác học bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bảng phụ ghi một số lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu… cần chữa chung trước lớp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ**  - Yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo của bài văn tả người.  - GV nhận xét, cho điểm.  **2. Bài mới**  ***2.1. Giới thiệu bài.***  ***2.2. Nhận xét về kết quả làm bài của HS***  - GV sử dụng bảng lớp đã viết sẵn các đề bài và một số lỗi điển hình để:  a) Nêu nhận xét về kết quả làm bài:  - Những ưu điểm chính:  + Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài, viết bài theo đúng bố cục.  + Một số em diễn đạt tốt: Ngô Tùng, Quang Tùng, Phương  + Một số em chữ viết, cách trình bày đẹp: Phương.  - Những thiếu sót, hạn chế: dùng từ, đặt câu còn nhiều bạn hạn chế, còn nhiều em viết quá cẩu thả, nội dung sơ sài, phần tả hoạt động không đúng trọng tâm (Trọng, Thuyết, Minh, Vinh, Tuấn).  b) Thông báo điểm.  ***2.3. Hướng dẫn HS chữa lỗi***  a) Hướng dẫn chữa lỗi chung:  - GV chỉ các lỗi cần chữa đã viết sẵn trên bảng  - Mời HS lên chữa, Cả lớp tự chữa trên nháp.  - HS trao đổi về bài các bạn đã chữa trên bảng.  b) Hướng dẫn từng HS sửa lỗi trong bài:  - HS phát hiện thêm lỗi và sửa lỗi.  - Đổi bài cho bạn để rà soát lại việc sửa lỗi.  - GV theo dõi, kiểm tra HS làm việc.  c) Hướng dẫn học tập những đoạn văn hay, bài văn hay:  + GV đọc một số đoạn văn hay, bài văn hay.  + Cho HS trao đổi, thảo luận tìm ra cái hay, cái đáng học của đoạn văn, bài văn.  - Viết lại một đoạn văn trong bài làm:  + Yêu cầu mỗi em tự chọn một đoạn văn viết chưa đạt trong bài làm cùa mình để viết lại.  + Mời HS trình bày đoạn văn đã viết lại | - 2 HS nhắc lại.  - 1 HS đọc đề bài.  - HS chú ý lắng nghe phần nhận xét của GV để học tập những điều hay và rút kinh nghiệm cho bản thân.  - HS trao đổi về bài các bạn đã chữa trên bảng để nhận ra chỗ sai, nguyên nhân, chữa lại.  - HS đọc lại bài của mình và tự chữa lỗi.  - HS đổi bài soát lỗi.  - HS nghe.  - HS trao đổi, thảo luận.  - HS viết lại đoạn văn mà các em thấy chưa hài lòng.  - Một số HS trình bày. |

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV hệ thống nội dung bài.

- Dặn HS về học bài, chuẩn bị bài sau.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Khoa học**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. Yêu cầu**

Ôn tập các kiến thức về:

+ Đặc điểm giới tính

+ Một số biện pháp phòng bệnh có liên quan đến việc giữ vệ sinh cá nhân

+ Tính chất và công dụng của một số vật liệu đã học

**II. Chuẩn bị**

Hình vẽ trong SGK trang 68. Phiếu học tập

**III. Các hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **❖ Hoạt động 1:** Quan sát tranh   * GV treo một số tranh yêu cầu HS quan sát các và xác định tên sản phẩm trong từng hình sau đó nói tên các vật liệu làm ra sản phẩm đó.   **❖ Hoạt động 2:** Thực hành.  -GV chia nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và nêu tính chất, công dụng của các loại vật liệu:  Nhóm 1: Làm bài tập về tính chất, công dụng của tre, sắt và các hợp kim của sắt, thủy tinh.  Nhóm 2: Làm bài tập về tính chất, công dụng của đồng, đá vôi, tơ sợi.  Nhóm 3: Làm bài tập về tính chất, công dụng của nhôm, gạch, ngói và chất dẻo.  Nhóm 4: Làm bài tập về tính chất, công dụng của mây, song, xi măng, cao su.  -GV nhận xét, chốt lại nội dung chính: | - Nhiều HS nêu tên  - Lớp nhận xét, bổ sung  **.**  - Thảo luận nhóm, hoàn thành bảng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số TT | Tên vật liệu | Đặc điểm/ tính chất | Công dụng | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | 3 |  |  |  |   - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Vật liệu** | **Đặc điểm/tính chất** | **Công dụng** |
| 1 | Tre | -Mọc đứng, thân tròn, rỗng bên trong, gồm nhiều đốt, thẳng hình ống  -Cứng, đàn hồi, chịu áp lực và lực căng | -Làm nhà, nông cụ, đồ dùng.., trồng để phủ xanh, làm hàng rào bào vệ |
| 2 | Sắt  Hợp kim của sắt (gang, thép) | -Sắt là kim loại màu trắng xám, có ánh kim, có tính dẽo, dễ uốn, dễ kéo sợi, dễ rèn  -Gang là hợp kim của sắt, có tính cứng, giòn, không thể uốn hay kéo sợi  -Thép là hợp kim của sắt co tính cứng, bền, dẻo | -Sắt dùng để tạo ra hợp kim của sắt là gang, thép  -Gang dùng làm các vật dụng như: nồi, xoang, chảo…  -Thép dùng làm: đường ray tàu hỏa, xây dựng nhà, cầu, làm dao, kéo, dây thép, các dụng cụ được dùng để mở ốc, vít |
| 3 | Đồng  Hợp kim của đồng | -Đồng có màu đỏ nâu, có ánh kim, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt, bền, dễ dát mỏng và kéo thành sợi, có thể dập và uốn  -Hợp kim của đồng với thiếc có màu nâu, với kẽm có màu vàng, có ánh kim, cứng hơn đồng | -Đồng dùng làm đồ điện, dây điện, các bộ phận ô tô, tàu biển  -Hợp kim của đồng dùng làm các đồ dùng như: nồi, mâm, nhạc cụ như kèn, cồng, chiêng, hoặc để chế tạo vũ khí, đúc tượng |
| 4 | Nhôm  Hợp kim của nhôm | -Nhôm là kim loại màu trắng bạc, ánh kim, có thể kéo thành sợi, dát mỏng, nhẹ, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt. Nhôm không bị gỉ, một số a-xít có thể ăn mòn nhôm  -Hợp kim của nhôm với đồng, kẽm có tính chất bền vững, rắn chắc hơn nhôm | -Nhôm và hợp kim của nhôm dùng để chế tạo các dụng cụ làm bếp, vỏ của nhiều loại đồ hộp, khung cửa sổ, một số bộ phận của phương tiện giao thông (tàu hỏa, tàu thủy, ôtô, máy bay..) |
| 5 | Đá vôi | -Đá vôi không cứng lắm. Dưới tác dụng của axít thì đá vôi sủi bọt | -Dùng để lát đường, xây nhà, nung vôi, sản xuất xi măng, tạc tượng, làm phấn viết |
| 6 | Gạch, ngói | -Gạch, ngói…được làm từ đất sét, nung ở nhiệt độ cao.  -Gạch, ngói thường xốp, có những lỗ nhỏ li ti chứa không khí và dễ vỡ | -Gạch dùng để xây tường, lát sân, lát vỉa hè, lát sàn nhà  -Ngói dùng để lợp mái nhà |
| 7 | Xi măng | - Làm từ đất sét, đá vôi..có màu xám xanh (hoặc nâu đất, trắng). Xi măng không tan trong nước, khi bị trộn với một ít nước trở nên dẻo, rất mau khô, khi khô, kết thành tảng, cứng như đá | Xi măng dùng để sản xuất ra vữa xi măng; bê tông và bê tông cốt thép. Các sản phẩm từ xi măng được sử dụng trong xây dựng như: cầu, đường, nhà cao tầng, công trình thủy điện |
| 8 | Thủy tinh | -Làm từ cát trắng và một số chất khác  -Thủy tinh trong suốt, không gỉ, cứng nhưng dễ vỡ. Thủy tinh không cháy, không hút ẩm, không bị a-xít ăn mòn | Được dùng để làm các đồ dùng như: chai, lọ, li, cốc, bóng đèn, đồ dùng y tế, kính đeo mắt, kính xây dựng, kính máy ảnh, ống nhòm.. |
| 9 | Cao su | -Cao su có tính đàn hồi tốt, ít biến đổi khi gặp nóng, lạnh, không tan trong nước, tan trong một số chất lỏng khác | -Cao su được dùng để làm săm, lốp, làm các chi tiết của một số đồ điện, máy móc và các đồ dùng trong nhà. |
| 10 | Chất dẻo | Chất dẻo không có sẵn trong tự nhiên,nó được làm ra từ than đá và dầu mỏ. Chất dẻo cách điện, cách nhiệt, nhẹ, rất bền, khó vỡ, có tính dẻo ở nhiệt độ cao | Sản phẩm bằng chất dẻo dùng thay thế cho sản phẩm bằng gỗ, da, thủy tinh, vải và kim loại (như chén, đĩa, chai, lọ, đồ chơi, bàn, ghế, túi đựng hàng, giày dép) |
| 11 | Tơ sợi | +Vải bông có thể mỏng, nhẹ hoặc cũng có thể rất dày. Quần áo may bằng vải bông thoáng mát về mùa hè và ấm về mùa đông.  +Vải lụa tơ tằm thuộc hàng cao cấp, óng ả, nhẹ, giữ ấm khi trời lạnh và mát khi trời nóng.  +Vải ni-lông khô nhanh, không thấm nước, dai, bền và không nhàu | -Tơ sợi là nguyên liệu cho ngành dệt may và một số ngành công nghiệp khác  -Sợi ni lông còn được sử dung trong ngành y tế, làm bàn chải, đai lưng, một số chi tiết máy… |

**\* Tổng kết - dặn dò**

* Xem lại bài.
* Chuẩn bị: “Sự chuyển thể của chất”

- Nhận xét tiết học

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

**Luyện từ và câu**

ÔN TẬP VỀ CÂU

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: HS tìm được 1 câu hỏi, 1 câu kể, 1 câu cảm, 1 câu khiến và nêu được dấu hiệu của mỗi kiểu câu đó (BT1).

**2. Kĩ năng:** Phân loại được các kiểu câu kể (*Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?*), xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu theo yêu cầu của bài tập 2.

**3. Thái độ:** Có ý thức tự giác học bài.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Hai tờ giấy khổ to viết sẵn các nội dung cần ghi nhớ về các kiểu câu, các kiểu câu kể.

- Một vài tờ phiếu để HS làm bài 1,2.

- Phiếu kẻ bảng phân loại các kiểu câu kể để HS làm bài tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Kiểm tra bài cũ**  - Yêu cầu học sinh tìm từ đồng nghĩa với tinh ranh, dâng, êm đềm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **2. Bài mới**  ***2.1. Giới thiệu bài.***  ***2.2. H­ướng dẫn HS làm bài tập***  **\* Bài 1:**VBT/ 123.  - Yêu cầu HS đọc mẩu chuyện Nghĩa của từ “cũng”  - Trao đổi cả lớp:  - Yêu cầu HS nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ về các kiểu câu.  - Yêu cầu đọc thầm chuyện vui, viết vào vở các kiểu câu theo yêu cầu.  - Nhận xét, chữa bài.  + Câu hỏi dùng để hỏi về điều chưa biết. Có thể nhận ra câu hỏi nhờ các từ đặc biệt: ai, gì, nào, sao, không,... và dấu chấm hỏi ở cuối câu.  + Câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu hoặc bày tỏ ý kiến, tâm từ, tình cảm. Cuối câu có dấu chấm.  + Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn. Các từ đặc biệt: hẫy, đừng, chớ, mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị,... cuối câu có dấu chấm than hoặc dấu chấm.  + Câu cảm dùng để bộc lộ cảm xúc. Các từ đặc biệt: ôi, a, ôi chao, trời, trời đất,... cuối câu có dấu chấm than. | |  |  | | --- | --- | | Tinh ranh | tinh nghịch, tinh khôn, ranh mãnh, ranh ma, ma lanh, khôn ngoan, khôn lõi…. | | dâng | tặng, hiến, nộp, cho, biếu, đưa… | | êm đềm | êm ả, êm đềm, êm dịu,êm ấm…. |  * Nêu yêu cầu bài tập.  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kiểu câu | Ví dụ | Dấu hiệu | | Câu hỏi | - Nhưng vì sao cô biết cháu cóp bài của bạn ạ? | - Câu dùng để hỏi điều chưa biết.  Cuối câu có dấu chấm hỏi ( ? ) | | Câu kể | - Bà mẹ thắc mắc: | - Câu dùng để kể sự việc.  - Cuối câu có dấu chấm hoặc hai chấm. | | Câu cảm | - Không đâu!  - Thế thì đáng buồn quá! | - Câu bộc lộ cảm xúc.  - Trong câu có các từ quá, đâu  - Cuối câu có dấu chấm than | | Câu khiến | - Em hãy cho biết đại từ là gì? | - Câu nêu yêu cầu, đề nghị.  - Trong câu có từ hãy. |   - HS đọc lại ghi nhớ.  - HS đọc thầm, làm bài vào vở.  - HS trình bày bài. |
| **\* Bài 2:**VBT/ 124.Phân loại các kiểu câu kể trong mẩu chuyện sau. Xác định thành phần của từng câu.  + Em đã biết những kiểu câu kể nào?  - Yêu cầu HS đọc mẩu chuyện Quyết định độc đáo và thực hiện yêu cầu của bài.  - Chữa bài, nhận xét. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - Kiểu câu Ai, làm gì? Ai, thế nào? Ai, là gì?  - HS đọc mẩu chuyện vui, ghi lại các câu kể theo từng loại, xác định rõ thành phần của từng câu.  - HS trình bày bài.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Kiểu câu | Thành | phần câu |  | |  | Trạng ngữ | Chủ ngữ | Vị ngữ | | Ai làm gì? | 1.Cách đây không lâu.  2. | Lãnh đạo hội …ở nước Anh.  Ông chủ tịch…phố. | Đã quyết định…không đúng chuẩn.  Tuyên bố…chính tả | | Ai thế nào? | 1. Theo qđ..  mắc lỗi  2. | công chức  số…phố | Sẽ bị phạt 1 bảng  Khá đông | | Ai là gì? |  | Đây | Là một biện..  tiếng Anh | |

**3. Củng cố, dặn dò**

- GV hệ thống nội dung bài.

- Dặn HS về học bài, chuẩn bị bài sau.

**Rút kinh nghiệm:** ……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

----------------------------o0o------------------------

###### SINH HOẠT

1. **Mục tiêu**

Giúp học sinh:

* Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân trong tuần qua.
* Đề ra phương hướng phấn đấu trong tuần tới.
* Giáo dục ý thức phê và tự phê cho học sinh.

**II. Chuẩn bị.**

* Ghi chép trong tuần.

**III. Các hoạt động.**

1. Ổn định tổ chức

* Cả lớp hát.

1. Nội dung sinh hoạt.

* Lớp phó học tập nhận xét về tình hình học tập của lớp trong tuần qua.
* Lớp trưởng nhận xét chung, các bạn khác lắng nghe sau đó có ý kiến bổ sung.
* Gv nhận xét, đánh giá tình hình lớp về mọi mặt:

\*Ưu điểm:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

\*Nhược điểm:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Bình xét thi đua các tổ trong tuần:

* Tổ 1:..........
* Tổ 2:..........
* Tổ 3:..........
* Phương hướng phấn đấu trong tuần tới.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

----------------------------o0o------------------------